

Bản án số: 06 /2017/DS-ST
Ngày 04 tháng 7 năm 2017
“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vinh Phúc

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V , tỉnh Vinh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2016/TLST - DS ngày 28 tháng 12 năm 2016, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐST - DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Phố T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T-Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng- Ngân hàng Thương mại cổ phần A (Văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10 tháng 8 năm 2016).

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (Văn bản ủy quyền số 747/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 25 tháng 11 năm 2016, có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Quang D, sinh năm 1992; trú tại: Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2016 và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Lê Thị Thu H trình bày:

Ngày 29/12/2014, anh Lê Quang D có ký hợp đồng tín dụng số: 20141227 – 802009 - 0006 với A để vay số tiền 26.250.000đ. Mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa hai bên thì lãi suất là 3,75%/tháng; phương thức trả nợ trong vòng 36 tháng. Tổng số tiền anh D phải trả cả gốc và lãi trong 36 tháng là 48.485.000đ, cụ thể: Trong 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.341.000đ, tháng cuối cùng trả 1.550.000đ, kỳ thanh toán vào ngày 1 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/2/2015.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, anh D đã nhận đủ tiền vay. Quá trình vay vốn, đến ngày 09/3/2015 anh D đã trả cho A được 1 lần để thanh toán vào kỳ trả nợ thứ 1 (ngày 01/2/2015) với số tiền 1.350.000đ trong đó tiền gốc 291.000đ, tiền lãi 1.059.000đ. Kể từ kỳ trả nợ thứ 2 (tính từ ngày 02/2/2015) anh D không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, mặc dù Ngân hàng đã có nhiều biện pháp nhắc nhở. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên, A có quyền yêu cầu anh D thanh toán ngay toàn bộ các khoản nợ chưa đến hạn, khi anh D vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh D phải hoàn trả cho toàn bộ số tiền gốc là 25.959.000đ; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 02/2/2015 đến hết ngày 04/7/2017 là 19.660.849đ. Tổng cộng là 45.619.849đ. Ngoài ra, còn yêu cầu buộc anh D phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán của số tiền gốc 25.959.000đ theo lãi suất chậm trả do A quy định tính từ ngày 05/7/2017 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất chậm trả do A quy định mà sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn, anh Lê Quang D trình bày: Ngày 29/12/2014 anh có ký hợp đồng tín dụng số: 20141227 -802009 – 0006 với A để vay số tiền gốc 26.250.000đ; lãi suất là 3,75%/tháng; thời hạn vay 36 tháng. Trong quá trình vay anh đã trả cho A được 1 lần để thanh toán vào kỳ trả nợ thứ 1 (ngày 01/2/2015) với số tiền 1.350.000đ trong đó tiền gốc 291.000đ, tiền lãi 1.059.000đ. Mặc dù A đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng do bị tai nạn nên không có khả năng trả nợ. Anh đồng ý trả nợ theo số nợ mà A đã tính nhưng đề nghị cắt giảm toàn bộ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A với anh Lê Quang D.

Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Lê Quang D đến lần thứ hai nhưng anh D vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của A thấy rằng giữa A với anh Lê Quang D đã ký kết Hợp đồng tín dụng số số: 20141227 -802009 – 0006 ngày 29 tháng 12 năm 2014, theo đó A cho anh D vay số tiền 26.250.000đ với lãi suất, mục đích vay, hình thức, phương thức trả nợ như các bên đã trình bày cụ thể ở trên. Hợp đồng trên là hợp pháp để các bên thực hiện, kể cả việc thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất 3.75%/tháng vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...” và theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng...”. Do vậy, việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và anh D về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng với A, đến ngày 09/3/2015 anh D đã trả cho A được 1 lần để thanh toán vào kỳ trả nợ thứ 1 (ngày 01/2/2015) với số tiền 1.350.000đ trong đó tiền gốc 291.000đ, tiền lãi 1.059.000đ. Kể từ kỳ trả nợ thứ 2 (tính từ ngày 02/2/2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/7/2017 anh D không trả nợ cho A. A yêu cầu anh D trả nợ số tiền 45.619.849đ. Trong đó số tiền gốc là 25.959.000đ; tiền lãi trong hạn tính từ ngày 02/2/2015 đến hết ngày 04/7/2017 là 19.660.849đ. Anh D đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của A, nhưng do điều kiện khó khăn anh D xin được khất nợ và xin cắt giảm tiền lãi song nguyên đơn không đồng ý. Do anh D đã vi phạm cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên cần buộc anh D phải trả cho A số tiền 45.619.849đ. Trong đó số tiền gốc là 25.959.000đ; tiền lãi là 19.660.849đ.

Đối với lãi suất chậm thanh toán theo lãi suất chậm trả do A quy định, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu mà sau khi

bản án có hiệu lực pháp luật đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy đây là sự tự nguyện, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Lê Quang D phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả là $45.619.849đ \times 5\% = 2.280.992đ$ (làm tròn 2.280.000 đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/2/2009 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc anh Lê Quang D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 45.619.849đ (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó số tiền gốc 25.959.000đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng); tiền lãi là 19.660.849đ (Mười chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng) .

Kể từ ngày Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Quang D không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Quang D phải chịu 2.280.000 đ (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) . Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.067.000đ (Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0003958 ngày 26/12/2016, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Vân Hồng